

CĂN-NGUYÊN VÀ HỆ-THỐNG CÁC TỪ CHUYÊN-MÔN TRONG VIỆC PHIÊN-DỊCH DANH-TỪ NGOẠI-NGỮ

Đào-Quang-Huy

Phạm ngôn-ngữ của bất luận dân-tộc nào cũng đều có một số nguyên-lý câu tạo căn bản và bất biến. Chính các nguyên-lý này đã tạo cho danh-từ âm và thanh đặc biệt của ngôn ngữ của từng dân tộc một.

Chữ viết chỉ là một phương tiện ghi âm và chuyển tả ngôn ngữ. Do đó ngôn ngữ là chánh mà văn-tự là phụ.

Vi thiếu văn-tự, Việt-Nam đã mượn chữ người để ghi âm và chuyển tả tiếng mình. Tình trạng này đã khiến nhiều người tưởng lầm rằng Việt-ngữ không có hệ-thống câu-tạo. Ngộ-nhận này đã được nhiều học giả cải chính¹. Giống như ngôn-ngữ của nhiều dân tộc khác, Việt-ngữ cũng có nhóm-từ cùng gốc mà văn phạm Pháp-ngữ gọi là gia-đình từ-âm (*famille des mots*) tỷ như :

Mồm, mồm, móm, móm, mím v.v...

Tất nhiên, cũng giống như ngoại-ngữ, danh-từ Việt-ngữ cũng có gốc (căn-nguyên) và cũng có nhóm (hệ thống) các nhà chuyên dịch danh-từ ngoại-ngữ ra Việt-ngữ đã không bỏ quên hai nguyên-tắc này².

Hai nguyên-tắc:

1. Tôn trọng căn nguyên của từ chuyên-môn.

(1) Đặc-biệt, xin coi GS. Lê-Ngọc-Trụ, *Chính tả Việt-Nam*, Saigon 1972.

(2) GS. Lê-Văn-Thời và GS. Nguyễn-Văn-Đương, *Nguyên-tắc soạn-thảo danh-từ chuyên-khoa*. Nội-san danh-từ chuyên môn số 1, Saigon 1972.

2. Sắp xếp từ chuyên-môn thành từng hệ-thống.

đem lại cho việc vận dụng danh-từ chuyên môn rất nhiều lợi điểm:

1. Nhờ hai nguyên tắc này, từ chuyên môn phiên dịch được gọn gàng.

Ví-dụ : *electro-cardiographie* được phiên dịch là *tâm-điện-ký*¹.

2. Tuy gọn gàng mà từ chuyên môn phiên dịch vẫn đầy đủ ý nghĩa của từ ngoại ngữ.

Ví-dụ : *propriétés physique* được phiên dịch là *lý-tính* thay vì *tính chất thuộc về vật-lý*¹ *propriétés chimiques* được phiên dịch là *hóa-tính* thay vì *tính chất thuộc về hóa-học*¹.

3. Từ chuyên-môn giúp cho việc tra cứu được dễ dàng và thuận tiện cho cả hai phía: người ngoại quốc cần sử-dụng Việt-ngữ và người Việt cần sử-dụng ngoại-ngữ. Nói một cách khác, tương quan danh-từ chuyên-môn từ ngôn ngữ này chuyển qua ngôn ngữ khác đều được qui chiếu theo một sở tiêu chuẩn minh bạch và chính xác.

4. Những từ chuyên-môn tương chừng như đồng nghĩa, biện biệt rõ ràng:

Ví-dụ : *Croître* được đề nghị phiên dịch là *Tăng*

<i>Augmenter</i>	-nt-	<i>Gia-tăng</i>
<i>Grandir</i>	-nt-	<i>Tăng-trưởng</i>

Nhóm từ này đều có căn là « *Tăng* »².

Proximité được đề-nghị phiên dịch là *Giáp-cận*

<i>Environ</i>	-nt-	<i>Chu-cận</i>
<i>Abords</i>	-nt-	<i>Kế-cận</i>
<i>Voisin</i>	-nt-	<i>Lân-cận</i>

Nhóm từ này đều có một căn là « *Cận* »².

Schéma được đề-nghị phiên dịch là *Lược-đồ*

<i>Graphique</i>	-nt-	<i>Ký-đồ</i>
<i>Diagramme</i>	-nt-	<i>Xuyên-đồ</i>

(1) GS. Lê-Văn-Thời và GS. Nguyễn-Văn-Dương, Op. Cit.

(2) Công trình của Ủy-Ban Quốc-Gia Soạn-Thảo Danh-Từ Chuyên-môn.

Croquis được đề-nghị phiên dịch là *Phác-đồ*

Abaque -nt- *Toán-đồ*

Canevas -nt- *Giản-đồ*

Nhóm từ này đều có một căn là « Đồ »

Ủy-Ban Quốc-Gia Soạn-Thảo Danh-Từ Chuyên-Môn đã qui định được một số nguyên tắc phiên dịch các tiếp-vĩ-ngữ của danh-từ chuyên môn Pháp-ngữ.

Tiếp-vĩ-ngữ *Ation* được đề-nghị phiên dịch là — *Hoá*

-nt- *Lyse* -nt- — *Giải*

-nt- *Mètre* -nt- — *Kế*

-nt- *Métrie* -nt- — *Pháp-kế*

-nt- *Gramme* -nt- — *Đồ*

-nt- *Graphie* -nt- — *Ký v.v...*

Có thể nào ứng dụng hai nguyên tắc trọng căn và trọng hệ cho việc phiên dịch các danh-từ Pháp, Chính, Kinh, Xã không ?

Nói về căn của từ chuyên-môn trong việc phiên dịch ngoại ngữ ra Việt-ngữ, vấn đề liên hệ tới hai căn : một của từ ngoại ngữ và một của từ Việt-Ngữ.

Các từ Pháp-ngữ : *dominer*
dominant
dominateur
domination
dominion

Có cùng một căn la-tự *Dominus* có nghĩa là *chủ*, đây là căn của từ ngoại ngữ. Khi phiên dịch sang Việt-ngữ, dịch gia khó lòng sắp xếp các từ Việt-ngữ tương ứng vào cùng một căn *Chủ*. Cho tới nay quán dụng vẫn chấp-nhận phiên dịch :

<i>dominer</i>	là	<i>chế-ngự</i>
<i>dominant</i>	là	<i>chủ-yếu</i>
<i>dominateur</i>	là	<i>kẻ thống-trị</i>
<i>domination</i>	là	<i>nền đô-hộ</i>
<i>dominion</i>	là	<i>lãnh-thổ tự-trị</i>

Hai danh-từ Việt-ngữ *ly-thân* và *ly-hôn* cùng chung một căn « *Ly* » 離 có nghĩa là lìa nhau. Đây là căn của từ Hán-Việt. Thế mà từ :

Ly-thân đã được phiên dịch từ hợp tự *Séparation de corps* của Pháp-ngữ.

Ly-hôn đã được phiên dịch từ danh-từ *Divorce* của Pháp ngữ.

Như vậy theo nguyên tắc tôn trọng căn nguyên của từ chuyên-môn, người phiên dịch phải tôn trọng căn nguyên của từ ngoại ngữ hay căn nguyên của từ Việt-ngữ ?

Cứu xét một cách tổng quát thì dường như rất hiếm có các trường hợp mà cả hai từ chuyên môn, ngoại ngữ và Việt-ngữ có cùng một căn nguyên tương-ứng với nhau.

Từ *Droit* của Pháp ngữ khởi lập từ căn la-tự *Directum*, tương ứng với các từ Việt ngữ thuộc các căn sau đây :

Pháp 法 ví dụ : *Droit naturel* : Tự-nhiên *Pháp*

Droit positif : Thực-tại *Pháp*

Luật 律 *Droit civil* : Dân *Luật*

Droit pénal : Hình *Luật*

Droit commercial : Thương *Luật*

Quyền 權 *Droit d'auteur* : Tác *Quyền*

Droit de l'homme : Nhân *Quyền*

Droit du citoyen : Dân *Quyền*

Thuế 稅 *Droit d'acte* : Khè *Thuế*

Droit de douane : Quan *Thuế*

Droit en sus : Ngoại phụ *Thuế*

Lệ phí 例 費 *Droit de greffe* : *Lệ phí* lục-sự

Droit de chancellerie : *Lệ phí* chương-àn

Droit d'inscription : *Lệ phí* ghi danh v.v...

Từ Pháp-ngữ *Acte* khởi lập từ căn la tự *Actum*, tương ứng với các từ Việt-ngữ thuộc các căn sau đây :

Hành-vi 行 爲 ví dụ :

Acte administratif

Hành vi hành-chánh

Acte attributif

Hành-vi phó-dữ

Acte civil

Hành-vi dân-sự

Chứng-thư 證書 :

Acte de naissance

Acte de mariage

Acte de décès

Ví-dụ :

Chứng-thư khai sanh

Chứng-thư kết hôn

Chứng-thư khai tử

Trạng 狀 ví-dụ :

Acte d'accusation

Acte d'appel

Acte d'ajournement

Cáo-Trạng

Kháng-cáo Trạng

Triệu-hoán Trạng

Điều-ước 條約 ví-dụ :

Acte de Berlin

Acte unilatéral

Acte bilatéral

Điều-ước Berlin

Điều-ước độc phương

Điều-ước song phương v.v...

Từ Pháp-ngữ *Action*, khởi lập từ căn la-tự *actio* tương ứng với các từ Việt-ngữ thuộc các căn sau đây :

Tổ-quyền 訴權 ví-dụ :

Action directe

Action déclaratoire

Action confessoire

Tổ-quyền chính diện

Tổ-quyền tuyên nhận

Tổ-quyền truy nhận

Cổ-phần 股份 ví-dụ :

Action de fondateur

Action à primes

Action en nature

Cổ-phần sáng lập

Cổ-phần tương lệ

Cổ-phần hiện vật

Hành-động 行動 ví-dụ :

Action concertée

Action commune

Action collective

Hành-động nhất trí

Hành-động đồng phôi

Hành-động đồng hiệp v.v...

Ngược lại, các từ Hán-Việt đồng căn lại tương ứng với từ ngoại ngữ không có cùng một căn.

Các từ Hán-Việt có cùng một căn Đồng 同 không nhất thiết tương ứng với các từ Pháp-ngữ có cùng một căn :

Từ Việt-ngữ	Đồng-âm tương ứng với từ Pháp-ngữ	<i>Homonyme</i>
	Đồng-tính luyến-ái	nt <i>Homosexuel</i>
	Đồng chức	nt <i>Homologue</i>

Các từ ngoại ngữ này có cùng một căn Hy-ngữ *Homos*

Từ Việt-ngữ	Đồng-bị-cáo tương ứng với từ Pháp-ngữ	<i>Coaccusé</i>
	Đồng-phạm	nt <i>Coauteur</i>
	Đồng-hội	nt <i>Coassocié</i>

Từ Việt-ngữ Đồng-thời tương ứng với từ Pháp-ngữ

		<i>Concomittant</i>
	Đồng-môn	nt <i>Condisciple</i>
	Đồng-huyết	nt <i>Consanguin</i>

Các từ ngoại ngữ này có cùng một căn la-tự *Cum*

Từ Việt-ngữ	Đồng bào tương ứng với từ Pháp-ngữ	<i>Utérin</i>
	Đồng-đảng	nt <i>égal</i>
	Đồng-hóa tương ứng với từ Pháp-ngữ	<i>assimillé</i>
	Đồng-minh	nt <i>alliance</i>
	Đồng-lõa	nt <i>complice</i>
	Đồng-nghĩa	nt <i>synonyme</i>
	Đồng-nhật	nt <i>identique</i>
	Đồng-thanh	nt <i>unanime v.v...</i>

Các từ ngoại ngữ, lần này không có chung với nhau một căn nào cả.

Các từ Hán-việt có cùng một căn *Bình* 平 cũng tương ứng với nhiều từ ngoại ngữ có nhiều căn khác nhau.

Từ Việt-ngữ	Quân Bình tương ứng với từ Pháp-ngữ	<i>Egaliser</i>
	Cộng Bình	nt <i>Equité</i>
	Tương Bình	nt <i>Equivalence</i>
	Thăng Bình (bằng)	nt <i>Equilibre</i>

Các từ ngoại ngữ này có cùng một căn la-tự *Aequitae*

Từ Việt-ngữ	Hoà-Bình tương ứng với từ Pháp-ngữ	<i>Paix</i>
	Bình-định	nt <i>Pacifier</i>
	Bình-hòa	nt <i>Paisible</i>

Các từ ngoại-ngữ này đều có chung một căn la-tự *Pax*

Từ Việt-ngữ *Bình-dân* tương ứng với từ Pháp-ngữ *Populaire, populace*

Bình-dị nt *Simpleste*

Bình-hành nt *Parallèle*

Bình-nguyên nt *Plaine*

Các từ ngoại-ngữ này không có cùng chung với nhau một căn.

Các từ Hán-Việt có cùng một căn *Đại* 代 cũng tương ứng với nhiều từ ngoại ngữ có các căn khác nhau.

Từ Việt-ngữ *Đại-biểu* tương ứng với từ Pháp-ngữ *Représentant*

Đại-ngệ (chề) (Système) *Représentatif*

Hai từ ngoại ngữ này đồng có căn la-tự *Repraesentare*

Từ Việt-ngữ *Đại-lý* tương ứng với từ Pháp-ngữ *Délégation*

Đại-số (học) nt *Algèbre*

Đại-danh-từ nt *Pronom*

Ba từ ngoại ngữ này không có cùng chung một căn.

Đại đa số các từ chuyên-môn về pháp, chính, kinh, xã được phiên dịch từ ngoại ngữ đã không tương-ứng với căn của nhau. Từ Việt ngữ và từ ngoại-ngữ đã được cấu tạo theo các căn không đối ứng với nhau khiến chúng ta, trong đại đa số trường hợp, có cảm tưởng như các danh-từ đối chiếu không song lập với nhau, mà cách cấu tạo danh-từ pháp, chính, kinh, xã của mỗi ngôn ngữ đã được hình thành theo các qui hướng khác nhau, nên chỉ gặp nhau tại một điểm mà thôi, tựa như sợi ngang (la trame) cùng với sợi dọc (la chaîne) của một tấm vải vậy.

Bàn về hệ thống của từ chuyên môn, chúng ta không thể bỏ qua một đặc điểm căn bản của Việt-ngữ, đó là bản chất đơn âm.

Trong diễn-trình cấu-tạo từ chuyên-môn trong các ngôn-ngữ đa âm, vị trí của căn gần như cố định. Phần phụ thêm vào phía trước của căn được gọi là tiếp-đầu-ngữ; phần phụ thêm vào phía sau của căn được gọi là tiếp-vĩ-ngữ. Phần tách một từ chuyên-môn đa âm để biệt biệt phần gốc (căn) với phần chuyên-hóa, tương-đối không có gì khó khăn cho lắm. Đối với từ chuyên-môn Việt-ngữ, công việc không đơn giản và dễ-dàng như vậy.

Chỉ cần so-sánh một từ Pháp ngữ :

Ví dụ : *Electro — cardio — graphie*

phiên dịch thành từ Việt-ngữ : *Tâm — điện — ký*

chúng ta sẽ thấy ngay tính cách phức tạp của vấn đề.

Đòi hỏi từ chuyên môn Pháp-ngữ, chúng ta có thể dễ dàng đồng ý với nhau phần nào là căn, phần nào là tiếp-đầu, và phần nào là tiếp-vĩ. Trở lại từ chuyên môn Việt-ngữ, sự việc không dễ-dàng và giản dị như vậy.

Chúng ta có ba từ-âm *Tâm, điện, ký*. Mỗi từ âm này đều có thể là một căn :

Với căn *tâm* 心 ta có thể có :

<i>Tâm</i> âm	<i>tâm</i> ba
<i>tâm</i> bệnh	<i>tâm</i> can
<i>tâm</i> chí	<i>tâm</i> lý v.v...

Chúng ta lại có thể có :

Trung *tâm* điểm.

Bán *tâm* điện.

Chúng ta lại có thể có :

Dị <i>tâm</i>	Ngoại <i>tâm</i>
Hư <i>tâm</i>	Túc ý mãn <i>tâm</i> v.v...

Cũng như vậy, chúng ta có thể có một hệ thống từ chuyên-môn cho căn *điện*, ví dụ : *điện* kè ; *điện* lực ; thủy *điện* ; nhân *điện* v.v... ; chúng ta cũng có thể có cả một hệ thống từ chuyên-môn cho căn *ký*, ví dụ : *ký* thác ; *ký*-nhi-viện ; thư *ký* ; bút-*ký*.

Nói một cách khác, khi phân tách một từ chuyên môn Việt-ngữ rất khó mà qui-định từ âm nào là căn, và từ nào là tiếp-phụ. Trong công thức cấu tạo từ chuyên-môn đa-âm, các bộ phận tiếp-ngữ, vì là bộ phận chuyên-hóa, nên rất dễ phân biệt với bộ phận gốc (căn) không những là nhờ ở hình thái của bộ phận mà còn nhờ cả ở vị trí của bộ phận trong từ nữa.

Trong việc tân tạo từ chuyên môn, nói chung, và trong việc phiên dịch từ chuyên môn, nói riêng, căn nguyên và hệ thống là hai yếu tố liên hệ chặt chẽ với nhau, có phân biệt được phần căn với phần chuyên

hóa của từ thì mới có thể sắp xếp từ chuyên-môn ra thành từng hệ-thống minh bạch và biện biệt với nhau và ngược lại.

Trong công thức cầu tạo từ chuyên môn Việt-ngữ, bộ phận căn khi trở thành bộ phận chuyên-hóa vẫn không thay đổi hình thái, như vậy, dữ kiện còn lại, khả dĩ có thể giúp chúng ta phân biệt phần căn với phần chuyên hóa của từ chuyên môn là *vị trí của từ âm* trong từ vậy.

Danh từ trước sau, chỉ là ký hiệu do sự thuận thảo mà thành. Chấp nhận hay khước bác là thẩm quyền của quán dụng.

Riêng trong các địa hạt Pháp luật, Chính trị, Kinh tế và Xã hội. tác giả đánh bạo thử đề nghị một giải pháp cho việc sắp xếp từ chuyên môn thành hệ thống lớp lang minh bạch.

Đối với các từ có hai âm, vì đa số là các từ Hán Việt, tác giả đề nghị coi từ-âm đứng sau là căn và từ-âm đứng trước là phần chuyên-hóa. Nếu đề nghị được chấp thuận, chúng ta sẽ có các từ sau đây được sắp xếp vào hệ-thống quyền 權. *Bản quyền* ; *Dân quyền* ; *Nhân quyền* ; *Tác quyền* ; *Tò quyền* v.v...

Đối với các từ có ba từ âm sắp lên, đề việc phát âm thuận cho miệng người Việt và thanh âm thuận tai cho người Việt, tác giả đề nghị coi từ âm đứng trước là căn và các từ âm đứng sau là phần chuyên hóa.

Ví dụ ; *Quyền công dân* ; *quyền ký đắc* ; *quyền quản trị* ; *quyền ứng dụng thu lợi* ; *quyền đòi vật bất động sản*...

Tất nhiên qui tắc nào cũng ngoại lệ. Nhưng nếu chúng ta muốn một qui tắc để nghị trở thành một qui tắc được thừa nhận thì chỉ nên dùng ngoại-lệ để xác nhận qui tắc, mà không nên đề ngoại-lệ hủy diệt qui tắc.

Chúng ta sẽ nói và viết : *Dân quyền* hay *quyền công dân* và sẽ không chấp nhận đề nói hay viết *quyền dân* hay *công-dân-quyền*.

Nếu được như vậy, chúng ta sẽ giải quyết được phần nào hai nguyên tắc *trọng căn* và *trọng hệ* trong việc phiên dịch danh từ chuyên môn Pháp, Chính, Kinh, Xã.

Chúng tôi thành thật ước mong được các bậc cao minh chỉ giáo và phán xét đề nghị (có phần táo bạo) này của chúng tôi.